

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-10-2019

"V/v Xin ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Thiết.**

Các hội thẩm nhân dân:

1 Bà **Trần Thị Thu Hà.**

2 Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày **24** tháng **10** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2019/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 08 năm 2019 về "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn T- sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

*** Bị đơn:** Anh Huỳnh H- sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 02-8-2019, trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị VNguyễn Trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Huỳnh H do tự quen biết được hai bên gia đình chấp nhận rồi đi đến hôn nhân; chị và anh có tổ chức lễ cưới vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 06/11/2015.

Sau ngày cưới chị và anh H sống chung với gia đình cha mẹ chồng của chị tại ấp T xã A huyện V. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến tháng 6/2019 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do mẹ ruột chị T bị đau khớp vai phải mổ nhập

viện, mẹ chị nằm viện 20 ngày tại bệnh viện y dược cổ truyền ở Vĩnh Long chị phải nuôi mẹ, đến 27/7/2019 chị và mẹ chị đi tái khám ở bệnh viện xuyên Á, khoảng 11 giờ 30 phút chị ghé bệnh viện thẩm mỹ viện DIVA spa ở Vĩnh Long để nặn mụn, vì nhà có khách nên mẹ chị về trước, chồng chị ra rước mẹ chị mà không thấy chị nên to tiếng với cha mẹ chị, sau đó vợ chồng chị cãi nhau, anh H âm con gái về nhà cha mẹ chồng và chị với anh H ly thân từ 6/2019 đến nay.

Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Hoàng H.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Huỳnh K, sinh ngày 04-10- 2016. Từ nhỏ sống chung với chị và anh H, nhưng từ ngày 27/7/2019 chị về bên cha mẹ ruột sống thì cháu sống với anh H đến nay. Sau khi ly hôn chị Tyêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Chị Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản khai ý kiến ghi ngày 23/10/2019 anh Huỳnh Htrình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất theo lời trình bày của chị Tvề quá trình chung sống cũng như mối quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung. Sau ngày cưới anh H và chị Tcùng sống tại ấp T xã A huyện V tỉnh Vĩnh Long, sống hạnh phúc đến cuối tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và đỉnh điểm từ ngày 27/7/2019 chị Tđi nặn mụn anh gọi điện thoại không liên lạc được nên anh có cãi vã với chị Tvà chị Tở bên cha mẹ ruột luôn không chịu về và sống ly thân với anh từ tháng 27/7/2019 cho đến nay.

Nay chị T xin ly hôn thì anh không đồng ý vì còn thương, nhưng nếu T cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh sẽ đồng ý theo yêu cầu của chị T

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Huỳnh K, sinh ngày 04-10- 2016. Hiện nay, cháu đang sống với anh. Sau khi ly hôn anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Tcấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện V tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Do vậy, vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét mối quan hệ hôn nhân giữa Chị V Nguyễn T với anh Huỳnh H là do quen biết trước, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Tvà anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa chị Tvà anh H không có tiếng nói chung, anh H hay ghen tuông chị Tvà có lời lẽ xúc phạm không tôn trọng chị và cha mẹ chị nên vợ chồng thường hay cãi vã và chị Tđã về bên cha mẹ ruột sống từ tháng 6/2019 đến nay. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên Tòa, chị Tvà anh H tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau. Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Tvà anh H là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Chị V Nguyễn Tvà anh Huỳnh H có 01 con là cháu Huỳnh K, sinh ngày 04-10- 2016, Hiện nay, cháu đang sống chung với anh H. Tại phiên tòa, sau khi ly hôn chị Tyêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H cũng yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Xét thấy cháu Huỳnh K sinh ngày 04/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/10/2019 là cháu Như trên 36 tháng tuổi. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được *thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi* căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

- Do vậy, xét yêu cầu yêu cầu nuôi cháu Huỳnh K của anh H là có cơ sở chấp nhận bởi các lẽ: Từ khi giữa chị Tvà anh H ly thân thì cháu Như đã sống ổn định với gia đình anh H, cháu được đi học tại Trường Mầm Non Trung An và phát triển khỏe mạnh bình thường, anh H có công việc phụ gia đình kinh doanh lúa gạo có thu nhập ổn định. Hơn nữa, để tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu; Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cháu Như cho anh Huỳnh Hđược tiếp

tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xét yêu cầu nuôi con của chị Tlà không có cơ sở nên không được chấp nhận bởi các nhận định nêu trên, việc chị Tyêu cầu nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là không phù hợp, hơn nữa chị T không chứng minh được thu nhập ổn định để lo cho con chung và điều kiện cho bé được đi học.

Chị V Nguyễn Tcó quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Tvà anh H thống nhất không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[2.4] Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Tvà anh H thống nhất không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tphải nộp tiền án phí sơ thẩm về ly hôn.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai báo cho các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; 55; 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1/Về mối quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị VNguyễn Tvà anh Huỳnh Hoàng H.

2/Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh K, sinh ngày 04-10-2016 cho anh Huỳnh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh K.

Chị Nguyễn T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước và gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên Hiệp phụ nữ Tóa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/Về tài sản chung: Chị Tvà anh H thống nhất không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa miễn xét.

4/Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Tvà anh H thống nhất không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa miễn xét.

5/Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0007602 ngày 13/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Về quyền kháng cáo: Án xử công khai báo cho các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TA ND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS ND huyện V;
- THADS huyện V;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trương Minh Thiết